

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2412
- Ngành sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ -

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

<input type="text"/>											
----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy										
<input type="text"/>											

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

 của năm 20074. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DNNN TƯ

4-2 DNNN

4-3 DN có vốn ĐTNN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về Sản phẩm**

Thứ tự (1)	Tên sản phẩm (2)	Đơn vị (3)	Khối lượng				Giá trị (8)	Khối lượng (9)
			8. Sản xuất trong tháng (4)	9. Xuất kho trong tháng (5)	10. Tiêu thụ nội bộ (6)	11. Tồn kho cuối tháng (7)		
1	Amoniac (NH3 - nồng độ chuẩn 99%)	Tấn						
2	Axit Nitric (HNO3 - nồng độ chuẩn 72%)	Tấn						
3	Phân Urê (Phân đạm 46% Nitơ)	Tấn						
4	Supe lân (P2O5)	Tấn						
5	Phân lân nung chảy	Tấn						
6	Phân kali, phốt phat	Tấn						
7	Phân hỗn hợp (N, P, K)	Tấn						
8	Phân vi sinh	Tấn						

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

Chữ ký

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Chữ ký

16. Ngày ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

1.1. Tên doanh nghiệp

Ghi tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1.2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Danh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đệm nguyên vật liệu để gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đã gia công ở các cơ sở kinh tế khác).

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đã gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên giá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

11. Tổng Doanh thu thầu của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thầu của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp cung cấp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thu). Tổng doanh thu thầu của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bán quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thầu, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động cung cấp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Amoniac, dạng khan hoặc dạng dung dịch nước, quy sang nồng độ chuẩn là 99% để tính toán.

Sản phẩm 2:

Chất lỏng màu vàng hoặc không màu, ăn mòn, là một chất oxy hoá phản ứng nhanh. Quy sang nồng độ chuẩn là 72% để tính toán.

Sản phẩm 3:

Phân Urê, chứa 46% nitơ, có hoặc không ở dạng dung dịch nước, amoni sunfat, muối kép và hỗn hợp của amoni sunfat và amoni nitrat; amoni sunfat, amoni nitrat, có hoặc không ở dạng dung dịch nước; hỗn hợp của amoni nitrat với canxi carbonat hoặc các chất vô cơ không có tinh chất làm màu mờ cho đất khác.

Sản phẩm 4:

Hỗn hợp phân có thể hòa tan được sản xuất bằng cách xử lý các loại phốt phát khoáng không hòa tan bằng axit, hoặc axit sunfuric, axit phosphoric, hay kết hợp các hai loại. Bao gồm cả loại super lân ba thành phần.

Sản phẩm 5:

Phân bón hỗn hợp hoặc hỗn hợp chứa phốt phát có thể hòa tan như phân bón phốt phát nung chảy làm từ đá chìa phốt pho, xỉ than, vv.

Sản phẩm 6:

Bất kỳ một trong ba loại octophosphate nào bao gồm Kali monophosphate (K_2HPO_4), potassium diprophosphate (KH_2PO_4), and tripotassium phosphate (K_3PO_4)) được sử dụng làm phân bón.

Sản phẩm 7:

Phân bón khoáng chất hoặc hóa chất khác chứa ba thành phần Nitơ, Phốtpho và Kali.

Sản phẩm 8:

Phân có chứa vi sinh vật để phục hồi độ màu mỡ của đất bằng sự lên men và phân huỷ.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2422**- Ngành sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-1. Tên Doanh nghiệp	
-----------------------	--

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*	
-------------------------	--

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

2. Mã số thuế	
---------------	--

3. Địa chỉ

3. Địa chỉ	
------------	--

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DNNN TƯ4-2 DNNN4-3 DN có vốn ĐTNN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về Sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng				Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	10. Tiêu thụ nội bộ	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Sơn các loại dùng trong xây dựng	Tấn						
2	Sơn chống rỉ	Tấn						
3	Sơn công nghiệp							
	3-1 Sơn dùng cho gỗ	Tấn						
	3-2 Các loại sơn công nghiệp khác	Tấn						
4	Sơn dùng cho giao thông	Tấn						
5	Men tráng	Tấn						
6	Sơn mài	Tấn						
7	Véc ni	Tấn						
8	Mực in các loại							
	8-1 Mực in khuôn kẽm (Gravure)	Tấn						
	8-2 Mực in nổi bằng khuôn mềm (Flexo)	Tấn						
	8-3 Mực in offset	Tấn						
9	Ma tít	Tấn						

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):	
---	--

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):	
---	--

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

--

14. Chữ ký của người điền phiếu

Chữ ký

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Chữ ký

16. Ngày ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Tên doanh nghiệp

Ghi tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

2. Địa chỉ

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

3. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

4. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

5. Loại hình doanh nghiệp

Danh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

6. Người điều phiến

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiến điều tra bằng chữ in.

7. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiến (mã khu vực, số máy).

8. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

9. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

10. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm kho của những sản phẩm do cơ sở đơn nguyên vật liệu đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đã giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự trữ sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hay báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ số này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp cung cấp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bán quyền, cổ tức.

Hay báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu có là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiến

Người điều phiến điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Sơn dùng để sơn trong và ngoài các toà nhà.

Sản phẩm 2:

Một loại sơn có chất độc hại dùng để ngăn ngừa tình trạng han gi, đặc biệt là dây tàu, thuyền.

Sản phẩm 3-1:

Sơn công nghiệp dùng cho vật liệu gỗ, dạng phun, dạng nước, dạng bột, vv..

Sản phẩm 3-2:

Các loại sơn dùng cho kim loại và chất dẻo, trừ các nguyên liệu gỗ, dạng phun, dạng nước, dạng bột, vv.

Sản phẩm 4:

Sơn dùng cho giao thông là loại sơn phản quang không cháy, không chứa chì, nhanh khô, có nhiều màu, sơn được trên bê tông và nhựa đường để phân biệt đường cao tốc, khu đỗ xe, khu vực sang đường, nơi dừng xe, phân luồng đường, vv.

Sản phẩm 5:

Một loại chất lỏng sơn lên bề mặt để tạo độ bóng và tăng độ bền do có chứa vecni, polyurethane, nhựa alkyd, bazơ acrylic.

Sản phẩm 6:

Một loại sơn lỏng dùng để tạo độ bền, bóng, sáng và tạo màu; được sản xuất từ nhựa thông hay chất tương tự hay chất dẫn xuất xenlulô và chất làm dẻo mềm trong dung môi nhanh bay hơi.

Sản phẩm 7:

Một loại chất lỏng dùng để đánh lên bề mặt và để khô nhằm tạo độ bóng, độ bền đặc trưng.

Sản phẩm 8-1:

Một loại mực in có chứa nước và chứa một lượng dung môi lớn sử dụng cho quá trình chạm chìm của phương pháp in quang cơ, như in bản kẽm và in bằng máy quay in.

Sản phẩm 8-2:

Mực in được làm từ xenlulô- axetal- propionate este nhựa thông; có thể hòa tan trong cồn và các loại nhựa thông.

Sản phẩm 8-3:

Mực in dùng cho thuật in thạch bản, không chứa các nguyên tử nước, chỉ chứa vecni dùng cho thuật in thạch bản hay các loại sơn mài dùng làm dung môi.

Sản phẩm 9:

Một loại nhựa thơm từ cây ma lít, sử dụng đặc biệt để đánh bóng, dùng trong sơn mài, chất kết dính và dùng như chất làm se.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2423
- Ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu-

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

5. Người điền phiếu
(Viết chữ in)

6. Số điện thoại

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DNNN TU'4-2 DNnnn ĐP4-3 DN có vốn ĐTN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
một sau để điền
phiếu**I. Thông tin về Sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng				Giá trị	Khối lượng	
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	10. Tiêu thụ nội bộ	11. Tồn kho cuối tháng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
Thuốc nước (không kể rượu thuốc)									
1	1-1 Thuốc kháng sinh dạng lỏng	Lít							
	1-2 Các loại thuốc nước để tiêm (trừ thuốc kháng sinh)	Lít							
	1-3 Thuốc nước dùng để uống	Lít							
	1-4 Thuốc nước dùng để súc, nhổ	Lít							
Thuốc viên nén/Viên canh nhộng									
2	2-1 Thuốc viên kháng sinh	Triệu viên							
	2-2 Thuốc viên khác (trừ kháng sinh)	Triệu viên							
Thuốc dạng bột/dạng cát									
3	3-1 Thuốc kháng sinh dạng bột/dạng cát	Kg							
	3-2 Thuốc dạng bột/dạng cát khác (loại trừ kháng sinh)	Kg							
4	Rượu thuốc	Lít							
5	Dung dịch truyền	Lít							
Thuốc mỡ các loại									
6	6-1 Thuốc mỡ kháng sinh	Kg							
	6-2 Thuốc mỡ khác (loại trừ kháng sinh)	Kg							
7	Thuốc thảo dược/các loại đã được bảo chế	Kg							
Các sản phẩm dùng ngoài da									
8	8-1 Dầu xoa dùng nước	Lít							
	8-2 Cao xoa	Kg							
	8-3 Cao dán	M2							
9	Các loại vắc xin phòng bệnh cho người	1000 liều							
Thuốc dùng cho gia súc, gia cầm									
10	10-1 Vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	1000 liều							
	10-2 Các loại thuốc tiêm dùng cho gia súc, gia cầm	Lít							
	10-3 Các loại thuốc dạng bột dùng cho gia súc, gia cầm	Kg							
Các sản phẩm y tế khác									
11	11-1 Chai khử trùng	Kg							
	11-2 Chất khử trùng (bao gồm cả thuốc sát trùng)	Lít							

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

Chữ ký

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Chữ ký

16. Ngày ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế (không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trong gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác)

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp cung cấp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi sút, bán quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động cung cấp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Thuốc nước kháng sinh để tiêm dung để chữa trị các chứng nhiễm trùng do vi trùng hoặc các loại vi sinh vật khác gây ra. Không bao gồm các loại thuốc kháng sinh dùng uống.

Sản phẩm 1-2:

Các loại thuốc nước khác dùng để tiêm loại trừ thuốc nước kháng sinh.

Sản phẩm 1-3:

Thuốc ở dạng lỏng dùng để uống như loại dung dịch uống.

Sản phẩm 1-4:

Thuốc ở dạng lỏng dùng để xịt, xoa lên da.

Sản phẩm 2-1:

Thuốc viên dạng viên nén nhỏ hình tròn hoặc hình trụ hay dạng cốm/bột dùng trong viên hình con nhộng có chứa thuốc kháng sinh dà do và nén.

Sản phẩm 2-2:

Thuốc viên dạng viên nén nhỏ hình tròn hoặc hình trụ hay dạng cốm/bột dùng trong viên hình con nhộng có chứa thuốc dà do và nén, trừ thuốc kháng sinh.

Sản phẩm 3-1:

Thuốc dạng cốm/bột chứa thuốc kháng sinh.

Sản phẩm 3-2:

Thuốc dạng cốm/bột không chứa thuốc kháng sinh.

Sản phẩm 4:

Rượu được ngâm với các loại thảo dược và động vật, dùng để phòng, chữa bệnh.

Sản phẩm 5:

Dung dịch truyền các loại.

Sản phẩm 6-1:

Các chế phẩm dạng đặc, dùng để bôi ngoài da, chứa các chất kháng sinh như bacitracin, mupirocin, vv.

Sản phẩm 6-2:

Các chế phẩm dạng đặc, dùng để bôi ngoài da, không chứa các chất kháng sinh.

Sản phẩm 7:

Các loại thuốc hoặc chế phẩm làm từ thảo dược, dùng để ngăn ngừa và điều trị các bệnh hoặc để tăng cường sức khỏe cũng như làm lành các vết thương như cây lá quạt, hòn cầu thảo dược, vv.

Sản phẩm 8-1:

Một chế phẩm dạng nước dùng để xoa ngoài cơ thể, có hoặc không chứa các chất kháng sinh.

Sản phẩm 8-2:

Chế phẩm dạng khô để bôi ngoài da, có hoặc không chứa các chất kháng sinh.

Sản phẩm 8-3:

Loại cao dán dùng để chữa bệnh bằng cách dán lên những chỗ đau của cơ thể.

Sản phẩm 9:

Chế phẩm dùng để ngăn ngừa sự nhiễm trùng ban đầu cho người (Không kể cho động vật), dùng để ngăn ngừa các tác nhân gây bệnh.

Sản phẩm 10-1:

Chế phẩm dùng để ngăn ngừa sự nhiễm trùng ban đầu cho gia súc và gia cầm (không kể chế phẩm dùng cho người), dùng để ngăn ngừa các tác nhân gây bệnh.

Sản phẩm 10-2:

Các loại thuốc dạng nước dùng hoặc thuốc ống để tiêm trừ các loại vắc xin phòng bệnh cho động vật.

Sản phẩm 10-3:

Thuốc dạng cồn hay dạng bột dùng cho động vật.

Sản phẩm 11-1:

Chi khâu y tế các loại như chi tự tiêu, chi khâu chất dẻo, chi khâu phẫu thuật không thẩm mỹ, vv.

Sản phẩm 11-2:

Loại thuốc sát trùng dùng để bôi lên vết thương để sát khuẩn.

Ghi chú:

**PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU**

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2424

- Ngành sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh -

1-1. Tên Doanh nghiệp	
-----------------------	--

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để tránh ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình
doanh nghiệp 4-1 DN NN TƯ 4-2 DN NN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh
(chọn 1 phù hợp)

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

1. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Các sản phẩm dưỡng da							
1	1-1 Sữa rửa mặt	1000 lít					
	1-2 Kem dưỡng da	Kg					
	1-3 Dầu xịt da	Lít					
	1-4 Các sản phẩm dưỡng da khác	Tấn					
Các sản phẩm dưỡng tóc							
2	2-1 Dầu gội đầu	1000 lít					
	2-2 Dầu xả, dưỡng tóc	1000 lít					
	2-3 Các sản phẩm chăm sóc tóc khác	1000 lít					
Xà phòng dạng bánh, dạng lỏng, dạng bột							
3	3-1 Xà phòng bánh (dùng để tắm)	Tấn					
	3-2 Sữa tắm	Tấn					
	3-3 Xà phòng giặt các loại	Tấn					
4	Các chất tẩy rửa khác	1000 lít					
5	Kem đánh răng (quy chuẩn 175g/ống)	1000 ống					
Nước hoa và nước xịt phòng (phòng ở, phòng vệ sinh)							
6	6-1 Nước hoa	Lít					
	6-2 Nước xịt phòng (phòng ở, phòng vệ sinh)	Lít					
	6-3 Sáp thơm, chất khử mùi trong phòng	Tấn					
Các sản phẩm trang điểm							
7	7-1 Kem nền, phấn trang điểm	Kg					
	7-2 Son môi	1000 thỏi					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

Chữ ký

Chříký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Ghi tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đã gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho trong đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hay báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp có công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bán quyền, cổ tức.

Hay báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Sữa dùng để rửa mặt hoặc tẩy trang.

Sản phẩm 1-2:

Kem dưỡng da dạng kem như kem giữ ẩm, kem làm trắng da.

Sản phẩm 1-3:

Dầu xịt lên da sau khi tắm để duy trì độ ẩm của da.

Sản phẩm 1-4:

Các sản phẩm dưỡng da khác trừ sữa rửa mặt, kem dưỡng da và dầu xịt.

Sản phẩm 2-1:

Chè phảm dạng lỏng dùng để gói dầu các loại.

Sản phẩm 2-2:

Các chế phẩm dùng để thư giãn tóc hoặc nhuộm màu nhẹ các loại.

Sản phẩm 2-3:

Các sản phẩm chăm sóc tóc khác trừ dầu gội đầu, dầu xả, dưỡng tóc hay điều trị tóc.

Sản phẩm 3-1:

Xà phòng dạng bánh dùng để tắm. Không bao gồm xà phòng để rửa mặt.

Sản phẩm 3-2:

Xà phòng dạng lỏng hay dạng sữa dùng để tắm.

Sản phẩm 3-3:

Xà phòng các loại dùng để giặt quần áo.

Sản phẩm 4:

Chất tẩy tồng hợp dạng bột, dạng bánh, dạng lỏng hay các dạng khác, với mục đích vệ sinh nhà, bếp, hay dùng để rửa bát đĩa.

Sản phẩm 5:

Thuốc đánh răng dạng kem đặc, thường chứa chất giữ độ ẩm, chất đánh bóng, chất sát trùng, chất tạo hương và chứa các chất ngăn ngừa vi khuẩn, chống sâu răng hoặc các loại thực liệu khác. Quy đổi sang kích cỡ 175 g để tính toán.

Sản phẩm 6-1:

Một chất có mùi thơm dễ chịu, chế xuất dạng lỏng từ tinh chất tự nhiên (từ động thực vật) hay chất tổng hợp, dùng để tạo hương thơm.

Sản phẩm 6-2:

Một dạng chất lỏng với hương thơm nhẹ hơn nước hoa.

Sản phẩm 6-3:

Chất khử mùi và tạo hương thơm, dạng lỏng hay dạng rắn.

Sản phẩm 7-1:

Kem nền là một loại mỹ phẩm dạng lỏng, dạng kem hoặc dạng bánh, thường có màu, thoa lên da trước khi trang điểm. Phần trang điểm là lớp bột mỹ phẩm màu da, thoa lên mặt để tạo cảm giác mềm màng và giảm ánh nắng chiếu.

Sản phẩm 7-2:

Mỹ phẩm dạng thỏi hoặc dạng nước, có màu, dùng để thoa lên môi tạo màu.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2429**- Ngành sản xuất các sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

--

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

--

5. Người điền phiếu

--

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Địa chỉ

--

7. Tháng báo cáo

--

của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DN NN TƯ4-2 DN NN4-3 DN có vốn ĐTN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng					Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	10. Tiêu thụ nội bộ	11. Tồn kho cuối tháng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Tinh dầu và tinh chất chiết xuất	Kg							
2	Các chất kết dính (keo, hồ dán, vv.)	Kg							
3	Chế phẩm bôi trơn các loại	Tấn							
4	Hoá chất chống cháy	Tấn							
5	Thuốc nổ, ngòi nổ, kíp nổ	Tấn							
6	Dây cháy chậm	1000 mét							
7	Các loại băng đĩa trắng (băng video, băng cát xét, vv.)	1000 cái							
8	Giấy ảnh	M2							
9	Canxi cacbonat	Tấn							
10	Các sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	Tấn							

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

--

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

--

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

--

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU PHIẾU ĐIỀU TRA

1.1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1.2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giao công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đơn nguyên vật liệu đi giao công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đã giao công ở các cơ sở kinh tế khác).

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đã giao công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho trong đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thầu của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thầu của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp cung cấp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thầu của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thầu, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động cung nguyễn.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Tinh dầu thơm hay nước thơm chiết xuất từ hoa, dạng lỏng.

Sản phẩm 2:

Chất dùng để gắn các vật thể lại với nhau như keo dán, hàn dán.

Sản phẩm 3:

Bột cứ một chất nào được sử dụng để bôi trơn.

Sản phẩm 4:

Loá chất dạng lỏng hoặc các dạng khác được sử dụng như lớp vỏ hoặc dùng để tạo nguyên liệu chống cháy nhằm làm giảm nguy cơ bốc cháy.

Sản phẩm 5:

Bột nổ dây, ngòi an toàn, ngòi nổ, kíp nổ hay đầu đạn cơ bản, đầu đốt cháy, kíp nổ điện.

Sản phẩm 6:

Một loại dây nối chất nổ với ngòi nổ.

Sản phẩm 7:

Nguyên liệu cho hàng tiêu dùng trong ngành điện tử như đĩa mềm, băng tơ (ví dụ: dùng cho thiết bị nghe nhìn, video), đĩa compact (đĩa ghi và đĩa ghi đè), băng và đĩa mềm máy tính.

Sản phẩm 8:

Giấy nhay sáng dùng để in ảnh với các loại kích cỡ và chất lượng.

Sản phẩm 9:

Một loại hợp chất màu trắng không hòa tan trong nước, có trong tự nhiên như phôi, đá vôi, cùm thạch và canxit, và động vật thân mềm, dùng làm antacid, sơn, xi măng, thuốc đánh răng, không kẽ phân bón.

Sản phẩm 10:

Các sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

Ghi chú:

**PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU**

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2511**- Ngành sản xuất sám, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-1. Tên Doanh nghiệp	
-----------------------	--

5. Người điền phiếu

5. Người điền phiếu	
---------------------	--

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*	
-------------------------	--

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

2. Mã số thuế	_____	_____
---------------	-------	-------

3. Địa chỉ

3. Địa chỉ	
------------	--

6. Số điện thoại

6. Số điện thoại	Mã khu vực	Số máy
------------------	------------	--------

4. Loại hình
doanh nghiệp

(chọn ô phù hợp)

4-1 DNNN TU' 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

7. Tháng báo cáo _____ của năm 2007

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Lốp cho xe có động cơ							
1	1-1 Lốp ô tô loại 4 chỗ ngồi	1000 cái					
	1-2 Lốp xe tải và xe buýt	1000 cái					
	1-3 Lốp mô tô, xe máy, xích lô	1000 cái					
2	Lốp xe đạp	1000 cái					
Sám							
3	3-1 Sám ô tô các loại	1000 cái					
	3-2 Sám mô tô, xe máy, xích lô	1000 cái					
	3-3 Sám xe đạp	1000 cái					
4	Lốp ô tô đắp lại	1000 cái					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu	
--	--

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):	
---	--

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

--

14. Chữ ký Người điền phiếu

Chữ ký

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

Chữ ký

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

I-3. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

I-4. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

I-5. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

I-6. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

I-7. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

I-8. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

I-9. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

I-10. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đơn nguyên vật liệu đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

I-11. Khối lượng tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm di giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phần trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

I-12. Giá trị hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

I-13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Lấy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bán quyền, cổ tức.

Lấy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

IV. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

V. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

VI. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Lốp hơi, không bao gồm sên xe, dành cho xe chở người, loại từ 2-4 cửa với từ 4 chỗ trở lên và thường có mui bén.

Sản phẩm 1-2:

Lốp hơi, không bao gồm sên xe, dành cho xe buýt và xe tải.

Sản phẩm 1-3:

Lốp hơi, không bao gồm sên xe, dành cho ô tô.

Sản phẩm 2:

Lốp hơi, không bao gồm sên xe, dành cho xe đạp.

Sản phẩm 3-1:

Một vòng tròn rỗng, mềm,kin hơi được làm từ cao su, được nhồi vào trong lốp để hơi cho ô tô các loại, trừ sên dành cho xe máy và xe đạp.

Sản phẩm 3-2:

Một vòng tròn rỗng, mềm,kin hơi được làm từ cao su, được nhồi vào trong lốp để hơi cho xe máy các loại, trừ sên dành cho xe đạp và ô tô.

Sản phẩm 3-3:

Một vòng tròn rỗng, mềm,kin hơi được làm từ cao su, được nhồi vào trong lốp để hơi cho xe đạp các loại, trừ sên dành cho xe máy và ô tô.

Sản phẩm 4:

Loại lốp được tái chế lại, đúc lại các loại.

Ghi chú :

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2519**- Ngành sản xuất các sản phẩm khác từ cao su -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-1. Tên Doanh nghiệp	
-----------------------	--

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*	
-------------------------	--

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

2. Mã số thuế	
---------------	--

3. Địa chỉ

3. Địa chỉ	
------------	--

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DN NN TƯ4-2 DN NN4-3 DN có vốn ĐTN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Ông cao su thường							
1	1-1 Ông Ø dưới 400 mm	1000 m					
	1-2 Ông Ø từ 400 mm trở lên	1000 m					
Ông cao su chịu lực							
2	2-1 Ông Ø dưới 400 mm	1000 m					
	2-2 Ông Ø từ 400 mm trở lên	1000 m					
3	Dải băng胎 bằng cao su	1000 m					
4	Dây cu ron dẹt các loại	1000 m					
5	Dây cu ron dẹt hình thang	1000 m					
6	Vải trắng cao su	1000 m ²					
7	Joăng, phớt cao su các loại	Tấn					
8	Quần áo bằng cao su	1000 chiếc					
9	Găng tay cao su	1000 đôi					
10	Bao cao su tránh thai	1000 chiếc					
11	Dây thun khoanh	Tấn					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)
--

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)
--

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

HƯỚNG DẪN ĐIỀU PHIẾU ĐIỀU TRA

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi giá công cho các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Ông, ống dẫn, ống vòi bằng cao su, trừ cao su chịu lực, với đường kính dưới 400mm.

Sản phẩm 1-2:

Ông, ống dẫn, ống vòi bằng cao su, trừ cao su chịu lực, với đường kính trên 400mm.

Sản phẩm 2-1:

Ông, ống dẫn, ống vòi bằng cao su chịu lực, trừ cao su thường, với đường kính dưới 400mm.

Sản phẩm 2-2:

Ông, ống dẫn, ống vòi bằng cao su chịu lực, trừ cao su thường, với đường kính trên 400mm.

Sản phẩm 3:

Băng tải cao su, chỉ được giá cố băng kim loại hay chỉ được giá cố băng nguyên vật liệu dệt.

Sản phẩm 4:

Một thiết bị bao gồm một dải cao su dẹt, rộng, nối liền như băng truyền các loại.

Sản phẩm 5:

Dây cao su có bánh răng, thường được làm từ cao su già cứng, như dây cao su điều chỉnh dùng trong trục cam của động cơ đài trong.

Sản phẩm 6:

Vải tráng cao su, trừ vải mành dùng làm lót.

Sản phẩm 7:

Miếng cao su hình tròn, nhỏ, dẹt với một lỗ ở giữa. Sản phẩm này thường được đai ở các dai ốc để rái đều áp lực và tránh hư hại cho các bộ phận.

Sản phẩm 8:

Bao gồm cả áo mưa làm từ cao su.

Sản phẩm 9:

Găng tay cho người lớn và trẻ em được làm từ nguyên liệu chính là cao su.

Sản phẩm 10:

Bao cao su ngừa thai các loại.

Sản phẩm 11:

Dây cao su hoặc nhựa mủ dùng cho các mục đích khác nhau.

Ghi chú:

**PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU**

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2520**- Sản xuất các sản phẩm khác từ plastic -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DN NN TƯ4-2 DN NN4-3 DN có vốn ĐTNN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Ống bằng plastic các loại						
	1-1 Ống nhựa mềm	Tấn					
	1-2 Ống nhựa cứng Ø dưới 50 mm	Tấn					
2	1-3 Ống nhựa cứng Ø từ 50 mm trở lên	Tấn					
	Phụ tùng ống nối các loại bằng plastic	Tấn					
3	Bao bì bằng plastic						
	3-1 Sản phẩm đựng hàng bằng chất dẻo dạng đĩa - thỏi	Tấn					
	3-2 Sản phẩm túi bằng chất dẻo	Tấn					
4	Màng mỏng hao gói bằng plastic						
	4-1 Màng gói bằng chất dẻo mềm	1000 m ²					
5	4-2 Màng gói bằng chất dẻo cứng	1000 m ²					
	Vật liệu bằng plastic dùng trong xây dựng (trừ ống và phụ tùng ống nối)						
6	5-1 Tấm lát sàn, trần, ốp tường, tấm lợp	M2					
	5-2 Vật liệu xây dựng khác bằng plastic	Tấn					
7	Khuôn đúc bằng plastic	Tấn					
8	Sản phẩm gia dụng và văn phòng bằng plastic	Tấn					
9	8-1 Bồn rửa	1000 bộ					
	8-2 Bồn tắm	1000 cái					
	8-3 Bệ xí	1000 bộ					
10	Áo mưa	1000 cái					
	Các sản phẩm khác bằng plastic	Tấn					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

1.1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1.2. Tên cơ sở kinh tế

Tùy trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế: 10 số đầu là doanh nghiệp và 13 số đầu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trước thời điểm tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hay báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp cung cấp cho thị trường thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ tài sản, bàn quyền, cổ tức.

Hay báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Ông, ông dẫu, voi phun bằng plastic mềm, plastic các loại.

Sản phẩm 1-2:

Ông, ông dẫu, voi phun bằng plastic cứng, voi đường kính nhỏ hơn 50 mm.

Sản phẩm 1-3:

Ông, ông dẫu, voi phun bằng plastic cứng, voi đường kính lớn hơn 50 mm.

Sản phẩm 2:

Ông nói, khớp nối và các phụ kiện như: khớp khuỷu tay, mép bích, đầu nối, vv... bằng plastic.

Sản phẩm 3-1:

Bao gói đựng hàng bằng dạng đúc - thổi các loại.

Sản phẩm 3-2:

Túi được làm từ nguyên liệu plastic mỏng các loại.

Sản phẩm 4-1:

Nguyên liệu chất dẻo mềm và mỏng dùng để gói đồ.

Sản phẩm 4-2:

Nguyên liệu chất dẻo cứng dùng để gói đồ.

Sản phẩm 5-1:

Nguyên liệu sán nhà, trần nhà, tường và mái nhà bằng plastic dạng cuộn hay dạng viên gạch.

Sản phẩm 5-2:

Các nguyên liệu chất dẻo khác dùng trong xây dựng trát ống, ống nối, phụ kiện và nguyên liệu cho sán nhà, trần nhà, tường dạng cuộn hay dạng viên gạch.

Sản phẩm 6:

Các sản phẩm bằng khuôn đúc chất dẻo bao gồm đĩa, tăm, tăm dẹt và tăm hình sóng.

Sản phẩm 7:

Đồ dùng gia đình như đồ dùng nhà bếp, nhà tắm, phòng khách, vv.

Sản phẩm 8-1:

Đồ nhựa bằng plastic có thành, chủ yếu dùng để đựng nước và rữa, giặt đồ.

Sản phẩm 8-2:

Chậu lâm bằng plastic các loại.

Sản phẩm 8-3:

Bệ xí các loại bằng plastic.

Sản phẩm 9:

Áo mưa chống thấm nước bằng plastic các loại.

Sản phẩm 10:

Các loại sản phẩm bằng plastic khác chưa được phân vào đâu.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)											
Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế								
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>								

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2610

- Ngành sản xuất thuỷ tinh và các sản phẩm từ thuỷ tinh -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

5. Người điền
phiếu

2. Mã số thuế

<input type="text"/>											
<input type="text"/>											

3. Địa chỉ

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy						
<input type="text"/>							

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)

4-1 DNNN TƯ 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Kính thuỷ tinh							
1	1-1 Kính thuỷ tinh thường (quy chuẩn 2 mm)	1000 m ²					
	1-2 Kính thuỷ tinh nồi (quy chuẩn 2 mm)	1000 m ²					
2	Chai thuỷ tinh từ 250 ml trở lên	1000 cái					
3	Đồ gia dụng khác bằng thuỷ tinh thường	Tấn					
4	Các sản phẩm bằng pha lê	Tấn					
5	Phích nước hoàn chỉnh	1000 cái					
6	Ruột phích nước thương phẩm	1000 cái					
7	Các sản phẩm thuỷ tinh dùng cho y tế, phòng thí nghiệm	Tấn					
8	Thuỷ tinh cách điện	1000 quả					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đ

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

<input type="text"/>

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

HƯỚNG DẪN ĐIỀU PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đơn nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phần trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Thủy tinh tăm thông thường trừ thủy tinh nổi. Quy sang độ dày 2mm để tính toán.

Sản phẩm 1-2:

Loại kính phẳng tuyệt đối, gần như ở dạng thủy tinh không mèo, được sản xuất bằng cách đỗ đồ thủy tinh nung chảy lên bề mặt của kẽm nấu chảy. Quy sang quy chuẩn độ dày 2mm để tính toán.

Sản phẩm 2:

Chai thủy tinh với thể tích trên 250ml các loại, có hoặc không màu.

Sản phẩm 3:

Chai, lọ, ống và các loại đồ dụng bằng thủy tinh khác (thể tích nhỏ hơn 250ml) các loại, dùng để vận chuyển hay đựng hàng hoá, trừ ống thủy tinh; các đồ bằng thủy tinh dùng trong phòng ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh, văn phòng, trang trí nội thất hay mục đích tương tự (trừ chai, lọ và đèn trang trí bằng thủy tinh); đồng hồ thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh tương tự; các sản phẩm thủy tinh tương tự khác.

Sản phẩm 4:

Các sản phẩm bằng pha lê, có hoặc không màu, bao gồm bộ đồ ăn, dụng cụ quang học, lăng kính, kính, gương và các đồ trang trí khác.

Sản phẩm 5:

Sản phẩm phích nước hoàn chỉnh, trừ ruột phích.

Sản phẩm 6:

Ruột phích thương phẩm để sản xuất phích nước, trừ Phích nước hoàn chỉnh.

Sản phẩm 7:

Bình lớn có vò hút, hũ nhỏ, chai và bình có thể tích hơn 1 lit; bình và lọ nhỏ để đựng thuốc kháng sinh, các loại bình truyền khác có thể tích dưới 1 lit, các loại chai lọ đựng dung dịch, ống thuốc và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 8:

Sản phẩm thủy tinh cán mỏng dùng để cách điện và các sản phẩm tương tự khác.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)											
Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế								
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>								

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2691**- Sản xuất đồ gỗ sú không chịu lửa (trừ gỗ sú dùng trong xây dựng) -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy
<input type="text"/>	<input type="text"/>

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DNNN TƯ4-2 DNNN4-3 DN có vốn ĐTNN4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Đồ sứ vệ sinh							
1	1-1 Bồn tắm bằng sứ	1000 cái					
	1-2 Bồn rửa mặt bằng sứ	1000 bộ					
	1-3 Bệ xí bằng sứ	1000 bộ					
Đồ gia dụng bằng gỗ sú							
2	2-1 Bộ đồ ăn nướng, bộ đồ nhà bếp bằng gỗ sú	1000 bộ					
	2-2 Lọ hoa bằng gỗ sú	1000 lọ					
	2-3 Các đồ gia dụng bằng gỗ sú khác	1000 cái					
Sứ cách điện							
3	3-1 Sứ cách điện dưới 6 KV	1000 quả					
	3-2 Sứ cách điện từ 6 KV đến 35 KV	1000 quả					
	3-3 Sứ cách điện trên 35 KV	1000 quả					
4	Đồ gỗ sú dùng trong phòng thí nghiệm/công nghiệp khác	1000 cái					
5	Các sản phẩm gỗ sú khác	1000 cái					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận già công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phần trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bán quyền, cỗ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chất lượng và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Bồn tắm bằng sứ các loại, trừ những loại làm bằng vật liệu khác.

Sản phẩm 1-2:

Chậu rửa mặt bằng sứ các loại, trừ những loại làm bằng vật liệu khác.

Sản phẩm 1-3:

Bộ xi bê tông sứ các loại, trừ những loại làm bằng vật liệu khác.

Sản phẩm 2-1:

Bộ đồ ăn uống, bộ đồ nhà bếp bằng gốm sứ các loại, trừ những loại được làm từ nguyên vật liệu khác.

Sản phẩm 2-2:

Lọ hoa bằng gốm sứ các loại, trừ những loại được làm từ nguyên vật liệu khác.

Sản phẩm 2-3:

Các đồ gia dụng bằng gốm sứ khác, trừ bộ đồ ăn uống, bộ đồ nhà bếp và lọ hoa.

Sản phẩm 3-1:

Sản phẩm cách điện bằng sứ để cách dây cáp nhiệt điện dưới 6KV.

Sản phẩm 3-2:

Sản phẩm cách điện bằng sứ để cách dây cáp nhiệt điện trên 6KV nhưng không quá 35KV.

Sản phẩm 3-3:

Sản phẩm cách điện bằng sứ để cách dây cáp nhiệt điện trên 35KV.

Sản phẩm 4:

Đồ gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm và công nghiệp các loại như nồi nấu kim loại, bình, bình đốt cháy để phân tích hóa học.

Sản phẩm 5:

Các sản phẩm gốm sứ khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

Phiếu sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2693**- Ngành sản xuất gạch ngói và gốm, súp xây dựng không chịu lửa -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

5. Người điền phiếu

2. Mã số thuế

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DNNN TƯ

4-2 DNNN

4-3 DN có vốn ĐTNN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Gạch xây bằng đất nung các loại (quy chuẩn 220x105x60 mm)	1000 viên					
2	Ngói lợp các loại (quy chuẩn 22 viên/m ²)	1000 viên					
3	Gạch lát ceramic	1000 m ²					
4	Gạch lát granit nhân tạo	1000 m ²					
5	Gạch ốp tường	1000 m ²					
6	Các sản phẩm gạch nung không chịu lửa khác	1000 viên					
7	Ông sành các loại	1000 ống					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

Chữ ký

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

Chữ ký

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Danh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (máy khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phần trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

11. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

12. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bàn quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Gạch xây bằng đất nung các loại. Quy chuẩn cỡ 220x105x60 mm để tính toán.

Sản phẩm 2:

Ngói lợp các loại. Quy chuẩn 22 viên/m² để tính toán.

Sản phẩm 3:

Gạch lát ceramic các loại, hình chữ nhật hoặc hình khác.

Sản phẩm 4:

Gạch lát granit các loại, hình chữ nhật hoặc hình khác.

Sản phẩm 5:

Gạch, gạch lát hình khối và các sản phẩm tương tự. Gạch được dùng để trang trí tường, đặc biệt là trong nhà bếp và nhà tắm.

Sản phẩm 6:

Các sản phẩm gạch nung không chịu lửa khác trừ gạch xây bằng đất nung, gạch lát ceramic, gạch lát granit nhân tạo.

Sản phẩm 7:

Óng sành các loại.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2694
- Ngành sản xuất xi măng, vôi, vữa -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-1. Tên Doanh nghiệp	
-----------------------	--

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*	
-------------------------	--

5. Người điền phiếu

5. Người điền phiếu	
---------------------	--

2. Mã số thuế

2. Mã số thuế						
---------------	--	--	--	--	--	--

3. Địa chỉ

3. Địa chỉ	
------------	--

4. Loại hình doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DN NN TƯ4-2 DN NN4-3 DN có vốn ĐTN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng				Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	10. Tiêu thụ nội bộ	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Vữa các loại	Tấn						
2	Vôi các loại	Tấn						
Xi măng								
3	3-1 Xi măng Pooclan đen	Tấn						
	3-2 Xi măng Pooclan bền sunphát (chứu nước)	Tấn						
	3-3 Xi măng Pooclan trắng	Tấn						
	3-4 Clanke Pooclan	Tấn						
	3-5 Các loại xi măng khác	Tấn						

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):	
---	--

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

--

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

--

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Vữa các loại, dạng bột hoặc các dạng khác.

Sản phẩm 2:

Vôi các loại như vôi bột, vôi đá tảng, vôi cát trong nước.

Sản phẩm 3-1:

Xỉ mảng poc lan đèn các loại.

Sản phẩm 3-2:

Xỉ mảng poc lan chịu mặn các loại.

Sản phẩm 3-3:

Xỉ mảng poc lan chí khắc xỉ mảng đèn ở màu sắc.

Sản phẩm 3-4:

Clanh ke các loại bao gồm clanh ke thường và clanh ke chịu được sun phát.

Sản phẩm 3-5:

Các sản phẩm xỉ mảng khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác)

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoà đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Chỉ những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

Ghi chú:

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)											
Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế								
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>								

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2695

- Ngành sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa -

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

<input type="text"/>											
----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)

4-1 DNNN TƯ

4-2 DNNN

4-3 DN có vốn ĐTNN

4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Bê tông trộn sẵn (Bê tông tươi)	M3					
2	Các sản phẩm bê tông cốt sắt						
2-1	Óng bê tông các loại	M3					
2-2	Cột bê tông các loại	M3					
2-3	Cọc bê tông	M3					
3	Các khối bê tông thường						
3-1	Tấm pvc nan, tấm dán	M3					
3-2	Các khối bê tông kè bờ	M3					
3-3	Các khối bê tông lát đường	M3					
4	Các khối bê tông dự ứng lực						
4-1	Cột và xà	M3					
4-2	Các sản phẩm bê tông dự ứng lực khác	M3					
5	Các sản phẩm bê tông khác						
5-1	Tấm lợp xi măng nhẵn hình sóng	1000 m2					
5-2	Các sản phẩm bê tông khác chưa được phân vào đâu	M3					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đ)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra
này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được
công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiểu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiểu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiểu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm di giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phần trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hóa đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiểu

Người điều phiểu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Hỗn hợp xi măng và một số nguyên liệu khác được pha trộn theo một tỷ lệ nhất định.

Sản phẩm 2-1:

Ông bê tông cốt sắt các loại.

Sản phẩm 2-2:

Cột bê tông cốt sắt các loại.

Sản phẩm 2-3:

Cọc bê tông cốt sắt các loại.

Sản phẩm 3-1:

Bao gồm các tấm bê tông già cố, bê tông đúc ứng lực, vv.

Sản phẩm 3-2:

Các khối bê tông bao gồm các khối bê tông có lỗ, được sử dụng đặc biệt trong bảo vệ bờ sông, chỗ lở dọc bờ sông, bảo vệ sự xói mòn do dòng nước hay lũ lụt gây ra. Trừ các tấm bê tông.

Sản phẩm 3-3:

Các sản phẩm bê tông dùng trong xây dựng đường xá, trừ tấm bê tông.

Sản phẩm 4-1:

Cột và xà gia cố bê tông có gắn cáp và dây thép để chịu tải.

Sản phẩm 4-2:

Các sản phẩm bê tông đúc ứng lực khác trừ cột và xà.

Sản phẩm 5-1:

Tấm xi măng hình sóng biển lửa được sản xuất từ sợi amiăng và xi măng poc lan.

Sản phẩm 5-2:

Các sản phẩm bê tông khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

Ghi chú:

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở phụ thuộc nguyên vật liệu để gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở để gia công ở các cơ sở kinh tế khác)

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm để gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

14. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Gang đê sản xuất thép, dạng khôi hoặc các dạng cơ bản khác, trừ gang đê.

Sản phẩm 1-2:

Gang đê dạng khôi hoặc các dạng cơ bản khác, trừ gang đê sản xuất thép.

Sản phẩm 2-1:

Thép thời thường trừ thép thời hợp kim.

Sản phẩm 2-2:

Thép thời hợp kim, trừ thép thời thường.

Sản phẩm 2-3:

Thép thời thường đúc, trừ thép hợp kim.

Sản phẩm 2-4:

Thép hợp kim đúc, trừ thép thường.

Sản phẩm 3-1:

Nguyên liệu xây dựng đường ray xe lửa hoặc xe điện bằng sắt hoặc thép.

Sản phẩm 3-2:

Tâm sắt cọc các loại.

Sản phẩm 3-3:

Ông thép các loại.

Sản phẩm 3-4:

Thép lá dâ mạ, trắng, phủ.

Sản phẩm 3-5:

Thép lá chưa mạ, trắng, phủ.

Sản phẩm 3-6:

Thép thanh, thép góc các loại.

Sản phẩm 3-7:

Sắt tròn có đường kính dưới 8mm.

Sản phẩm 3-8:

Các loại sắt khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

Sản phẩm 4:

Thép hợp kim các loại như thép không gỉ, thép silic điện các loại, trừ thép thời hợp kim và thép đúc hợp kim.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2

ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN

PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2811

- Ngành sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn -

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

6. Số điện thoại

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DN NN TƯ4-2 DN NN4-3 DN có vốn ĐTN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Cáu kiện xây dựng bằng thép							
1	1-1 Các khung kết cầu thép nặng	Tấn					
	1-2 Các khung kết cầu thép trung bình	Tấn					
	1-3 Các khung kết cầu thép nhẹ	Tấn					
	1-4 Đầu cầu thép, đường truyền, trượt	Tấn					
	1-5 Cửa cổng	Tấn					
	1-6 Container, ống và các thiết bị khác dùng cho máy móc	Tấn					
Các loại cửa khung thép hoặc nhôm							
2	2-1 Các loại khung nhôm cho cửa sổ, cửa ra vào và cửa chớp	M2					
	2-2 Cổng, cửa, cửa sổ ra vào bằng sắt	M2					
	2-3 Tấm lợp bằng kim loại	1000 m2					
3	Các cầu kiện khác và các bộ phận làm bằng sắt, thép hoặc nhôm đúc sẵn	Tấn					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KIỆN PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Danh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm dì gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm dì gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phần trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế inne.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoà đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

11. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các lợi thuần). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bán quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó bao gồm giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Các khung kết cấu thép nặng các loại.

Sản phẩm 1-2:

Các khung kết cấu thép trung bình các loại.

Sản phẩm 1-3:

Các khung kết cấu thép nhẹ các loại.

Sản phẩm 1-4:

Dầm cầu thép, đường truyền trượt các loại.

Sản phẩm 1-5:

Cửa cổng các loại.

Sản phẩm 1-6:

Container, ống và các thiết bị khác dùng cho máy móc.

Sản phẩm 2-1:

Các loại khung nhôm cho cửa sổ, cửa ra vào và cửa chớp các loại.

Sản phẩm 2-2:

Công, cửa sổ, cửa ra vào bằng sắt.

Sản phẩm 2-3:

Tâm lợp bằng kim loại các loại.

Sản phẩm 3:

Các sản phẩm kim loại đúc sẵn khác chưa được phân vào đâu.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2899**- Ngành sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy
------------	--------

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DNNN TƯ 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Những sản phẩm kim loại dùng trong gia đình							
1	1-1 Chậu, xoong, nồi, nấm và chảo các loại	1000 chiếc					
	1-2 Thịa, dĩa các loại	1000 chiếc					
	1-3 Các sản phẩm kim loại gia dụng khác	1000 chiếc					
2	Thùng chứa bằng kim loại (thùng, xô, can)	Chiếc					
3	Que hàn	Tấn					
Sản phẩm sản xuất bằng dây kim loại							
4	4-1 Dây thép gai	Tấn					
	4-2 Lưới thép các loại	1000 m ²					
	4-3 Dây cáp không dùng cho dẫn điện	Tấn					
5	Bulông, đai ốc và đinh các loại	Tấn					
6	Bồn tắm, chậu bằng kim loại dùng trong nhà vệ sinh và nhà bếp	Cái					
7	Kết và hộp bảo vệ bằng kim loại	Cái					
8	Kim (kim khâu, may và dệt)	1000 chiếc					
9	Những sản phẩm bằng kim loại khác chưa được phân vào đâu	Tấn					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

Chữ ký

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

Chữ ký

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

11. Giá trị hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi giá trị hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị tăng).

12. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.
Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nêu rõ bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Các đồ dùng giá dụng như nồi, xoong, chảo, mâm, các loại lò sưởi, thép, đồng và nhôm.

Sản phẩm 1-2:

Các sản phẩm như thiến, dĩa, dao, đũa làm từ bất kỳ kim loại nào.

Sản phẩm 1-3:

Các sản phẩm giá dụng bằng kim loại khác trừ nồi, xoong, chảo hay thiến, dĩa.

Sản phẩm 2:

Các đồ chứa bằng kim loại như thùng, két, thùng tố nồi, thùng hình tròn, can, hộp và các đồ chén trong lư (trừ những đồ chứa khí nén hay hoa lồng), làm bằng sắt, thép, hay nhôm, không phù hợp cho các thiết bị nhiệt cơ.

Sản phẩm 3:

Que hàn các loại.

Sản phẩm 4-1:

Dây thép gai các loại làm từ bất kỳ vật liệu kim loại nào, dã hoặc chưa cuộn tròn.

Sản phẩm 4-2:

Lưới thép các loại, dã hoặc chưa cuộn tròn.

Sản phẩm 4-3:

Dây hoặc cáp làm từ sắt và thép, trừ loại dùng để dẫn điện.

Sản phẩm 5:

Các sản phẩm đinh, đinh mõi, đinh kẹp (trừ đinh ghim), đinh vít, bu lông, đai ốc, mõc cù vít, đinh tán, chốt, vòng đệm và các sản phẩm tương tự, làm từ sắt, thép, đồng và nhôm.

Sản phẩm 6:

Bồn tắm và chậu bằng kim loại dùng trong nhà bếp, nhà vệ sinh các loại, trừ những loại được sản xuất từ nguyên vật liệu khác.

Sản phẩm 7:

Kết và hộp bảo vệ các loại bằng kim loại.

Sản phẩm 8:

Vật liệu dài, mảnh có đầu nhọn làm bằng kim loại để khâu, may và dệt các loại.

Sản phẩm 9:

Những sản phẩm bằng kim loại khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

Ghi chú:

**PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU**

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)									
Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế						
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>						

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2930

- Ngành sản xuất các thiết bị gia đình chưa được phân vào đâu -

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy
<input type="text"/>	<input type="text"/>

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

của năm 2007

4. Loại hình doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DNNN TƯ4-2 DNNN4-3 DN có vốn ĐTNN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Thiết bị điện dùng trong gia đình							
1	1-1 Chân, gối điện	Cái					
	1-2 Tủ lạnh, tủ đá	Cái					
	1-3 Máy giặt	Cái					
	1-4 Máy hút bụi	Cái					
	1-5 Máy xay sinh tố, máy trộn và xay khác	Cái					
	1-6 Các thiết bị điện khác dùng trong gia đình (ví dụ: dao cạo râu điện, bàn chải đánh răng điện, vv.)	Cái					
Thiết bị điện nhiệt dùng trong gia đình							
2	2-1 Máy sấy	Cái					
	2-2 Máy uốn tóc điện	Cái					
	2-3 Bàn là	Cái					
	2-4 Quạt điện các loại	Cái					
	2-5 Dụng cụ nhà bếp bằng điện (ví dụ: lò nướng, nồi điện, ấm siêu tốc, vv.)	Cái					
	2-6 Lò vi sóng	Cái					
	2-7 Bình đun nước nóng	Cái					
3	Bếp ga	Cái					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ kýChữ kýNgày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KIỆN PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm dí gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phần trong kho của cơ sở kinh tế hoặc không có cơ sở kinh tế thuê.

12. Giá trị hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi giá trị hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Bộ đồ gốm điện như chén điện, gối điện và đệm điện.

Sản phẩm 1-2:

Tủ lạnh và tủ đá các loại.

Sản phẩm 1-3:

Máy giặt các loại. Máy sấy quần áo được phân vào "Các sản phẩm điện gia dụng khác".

Sản phẩm 1-4:

Máy hút bụi các loại.

Sản phẩm 1-5:

Máy xay sinh tố, máy trộn, máy nghiền các loại.

Sản phẩm 1-6:

Các thiết bị điện khác dùng trong gia đình chưa được phân vào các sản phẩm trên như máy cao ráo điện, bàn chải điện, máy sấy quần áo, vv..

Sản phẩm 2-1:

Máy sấy tóc các loại, không kể quy cách kỹ thuật.

Sản phẩm 2-2:

Máy uốn tóc các loại không kể quy cách kỹ thuật.

Sản phẩm 2-3:

Bàn là các loại không kể quy cách kỹ thuật.

Sản phẩm 2-4:

Quạt điện các loại không kể quy cách kỹ thuật.

Sản phẩm 2-5:

Dụng cụ nhà bếp bằng điện như lò nướng, lò quay, nồi cơm điện, ấm siêu tốc, vv.

Sản phẩm 2-6:

Lò vi sóng các loại không kể quy cách kỹ thuật.

Sản phẩm 2-7:

Bình đun nước nóng điện các loại không kể quy cách kỹ thuật.

Sản phẩm 3:

Bếp ga các loại không kể quy cách kỹ thuật.

Ghi chú:

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 3000**- Ngành sản xuất thiết bị văn phòng và máy tính -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

<input type="text"/>									
<input type="text"/>									

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy						
<input type="text"/>							

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

 của năm 20074. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DN NN TƯ4-2 DN NN4-3 DN có vốn ĐTNN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng				Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	10. Tiêu thụ nội bộ	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Máy tính cá nhân							
	1-1 Máy tính để bàn	Chiếc						
2	1-2 Máy tính xách tay	Chiếc						
	Các thiết bị kèm theo máy tính							
2	2-1 Máy in kim	Chiếc						
	2-2 Máy in laser	Chiếc						
2	2-3 Màn hình máy tính	Chiếc						
	2-4 Đĩa cứng (HDD)	Chiếc						
3	Máy đếm tiền	Chiếc						
4	Máy phô tô							
	4-1 Máy phô tô thường các loại	Chiếc						
4	4-2 Máy phô tô kỹ thuật số	Chiếc						
	4-3 Máy phô tô máu	Chiếc						
5	Các loại máy văn phòng khác	Chiếc						

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

I-1. Tên doanh nghiệp

Ghi tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

I-3. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

I-4. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

I-5. Loại hình doanh nghiệp

Danh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp

I-6. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

I-7. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

I-8. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

I-9. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

I-10. Khối lượng sản phẩm tồn kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở dem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

I-11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phần trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thu.

I-12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hóa đơn bán hàng (không gộp thuế giá trị gia tăng)

I-13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hay bao cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghệ thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hay bao cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó bao cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

IV. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

V. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

VI. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thu, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm I-1:

Máy tính cá nhân để bàn các loại, bao gồm cả các máy chủ, loại để bàn.

Sản phẩm I-2:

Máy tính cá nhân xách tay các loại.

Sản phẩm 2-1:

Máy in mực các loại, bao gồm máy in có chứa ống mực (dùng nhiệt làm nóng mực).

Sản phẩm 2-2:

Máy in laser các loại. Không bao gồm loại máy kết hợp với các bộ phận ngoại vi khác như máy phô tô copy và máy quét.

Sản phẩm 2-3:

Màn hình máy tính các loại, bao gồm màn hình đèn chân không, màn hình tinh thể lỏng và các sản phẩm tương tự khác.

Sản phẩm 2-4:

Đĩa cứng các loại; được hoặc không được đệm bìa.

Sản phẩm 3:

Máy dêm tiền kỹ thuật số hoặc không phải kỹ thuật số hay các hệ thống dêm tiền tương tự.

Sản phẩm 4-1:

Máy phô tô chạy điện hoạt động theo phương thức sao chép lại hình ảnh thông thường. Không bao gồm máy phô tô màu.

Sản phẩm 4-2:

Máy phô tô chạy điện hoạt động theo phương thức sao chép lại hình ảnh bằng kỹ thuật số. Không bao gồm máy phô tô màu.

Sản phẩm 4-3:

Máy phô tô màu chạy điện loại kỹ thuật số hoặc loại thường. Không bao gồm máy phô tô đơn sắc (một màu).

Sản phẩm 5:

Các loại máy văn phòng khác như máy tính điện để bàn, máy phân loại, máy đục lỗ; máy đóng sách, vv...

Ghi chú:

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 3110

- Ngành sản xuất mô tơ, máy phát và biến thế điện -

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy
<input type="text"/>	<input type="text"/>

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DNNN TU'4-2 DNDD4-3 DN có vốn ĐTN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Máy phát điện/ Mô tơ							
1	1-1 Máy phát điện một chiều (DC)	Chiếc					
	1-2 Mô tơ/ Động cơ một chiều (DC)	Bộ					
	1-3 Máy phát điện xoay chiều (AC)	Chiếc					
	1-4 Mô tơ/ Động cơ xoay chiều (AC)	Bộ					
2	Máy nắn dòng dạng động và dạng tĩnh	Chiếc					
Biến thế điện							
3	3-1 Biến thế điện có công suất dưới 35/0.4 KV	Chiếc					
	3-2 Biến thế điện có công suất từ 35/0.4 KV trở lên	Chiếc					
4	Các loại chấn lưu	Chiếc					
5	Máy cắm điện	Chiếc					
6	Ón áp các loại	Chiếc					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

1.1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1.2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm sản xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đơn nguyên vật liệu đã gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đã gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Giá trị hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hay báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp cung cấp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bàn quyền, cổ tức.

Hay báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động cung cấp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Máy phát điện một chiều các loại, bao gồm cả máy phát đa pha.

Sản phẩm 1-2:

Mô to/dộng cơ một chiều các loại, bao gồm cả mô to/dộng cơ đa pha.

Sản phẩm 1-3:

Máy phát điện xoay chiều các loại, bao gồm cả máy phát đa pha.

Sản phẩm 1-4:

Mô to/Dộng cơ xoay chiều các loại, bao gồm cả mô to/dộng cơ đa pha.

Sản phẩm 2:

Máy nén dòng dạng động, máy nén dòng dạng tĩnh và các bộ phận.

Sản phẩm 3-1:

Biến thế điện có công suất dưới 35/0.4 KV các loại.

Sản phẩm 3-2:

Biến thế điện có công suất từ 35/0.4 KV trở lên các loại.

Sản phẩm 4:

Chân lưu và phụ tùng chân lưu các loại được sử dụng cho bất kỳ thiết bị điện nào.

Sản phẩm 5:

Máy cảm điện và phụ tùng của máy cảm điện các loại được sử dụng cho bất kỳ thiết bị điện nào.

Sản phẩm 6:

Ôn áp và phụ tùng ôn áp các loại.

Ghi chú:

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Ghi tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiến

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiến điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiến (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiến

Người điều phiến điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Dây dùng để cuốn mờ tơ, là bộ phận chính của động cơ.

Sản phẩm 1-2:

Dây điện không được bọc bằng bất kỳ nguyên liệu cách điện nào; các loại

Sản phẩm 2-1:

Dùng để tái điện cao thế, trực giữa chủ yếu bằng nhôm, các dây đồng tái điện quấn xung quanh, có bọc cách điện.

Sản phẩm 2-2:

Dùng để tái điện cao thế, trực giữa chủ yếu bằng nhôm, các dây đồng tái điện quấn xung quanh, không có bọc cách điện.

Sản phẩm 3-1:

Dây dẫn điện, chủ yếu sử dụng nội thất.

Sản phẩm 3-2:

Dây để tái điện hạ thế từ các trạm biến thế về, có bọc cách điện.

Sản phẩm 4:

Dây cáp tái các tín hiệu thông tin.

Sản phẩm 5:

Một bộ dây điện nhiều loại khác nhau được sản xuất dưới dạng một linh kiện xe ô tô.

Ghi chú:

**PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU**

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)			
Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
[<input type="text"/>]	[<input type="text"/>]	[<input type="text"/>]	[<input type="text"/>]

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 3190

- Ngành sản xuất thiết bị điện khác chưa được phân vào đâu -

1-1. Tên Doanh nghiệp

ANSWER

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, đề trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo của năm 2007

4. Loại hình doanh nghiệp

4-1 DNNN TƯ 4-2 DNNN 4-3 DN có ý kiến BTNN

4-3 ĐN có vốn BTNN

4.4 □ DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Thiết bị đánh tia lửa điện hoặc các thiết bị khởi động	Chiếc					
Các thiết bị chiếu sáng và báo hiệu chuyên dụng cho xe có động cơ và xe gắn máy							
2	2-1 Thiết bị chiếu sáng các loại dùng cho xe có động cơ và xe gắn máy	Cái					
	2-2 Đèn báo hiệu các loại	Cái					
3	Các thiết bị báo hiệu âm thanh, hình ảnh	Cái					
4	Cần gạt nước/ Thiết bị phát quang/ Thiết bị ngăn sương mù động	Cái					
5	Các loại nam châm điện	Cái					
6	Sản phẩm cách điện không phải là sành sứ, thuỷ tinh, cao su và plastic	Cái					
7	Điện cực than, chổi than, đèn than, ác quy than	Cái					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho trong dương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không bao gồm giá trị giá tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Thiết bị đánh tia lửa điện hoặc các thiết bị khởi động các động cơ đổi trong các loại.

Sản phẩm 2-1:

Thiết bị điện dùng cho đèn pha, đèn xi nhan và đèn hậu của các loại xe có động cơ như dây tóc, vỏ trong và vỏ ngoài của đèn. Không bao gồm bóng đèn điện.

Sản phẩm 2-2:

Đèn báo hiệu như đèn báo dừng trong quân sự và các sản phẩm tương tự. Không bao gồm bóng đèn điện.

Sản phẩm 3:

Các thiết bị báo hiệu âm thanh như máy phân phối, máy hoà tiếng và các sản phẩm tương tự khác.

Sản phẩm 4:

Cần gạt nước, thiết bị phát quang, thiết bị ngăn sương mù dùng các loại.

Sản phẩm 5:

Nam châm điện các loại; được hoặc không được dem bẩn.

Sản phẩm 6:

Sản phẩm cách điện không được làm từ sành sứ, thuỷ tinh, cao su và plastic. Bao gồm các sản phẩm làm từ silicon, acrylic và chất liệu khác.

Sản phẩm 7:

Điện cực than, chổi than, đèn than và ác quy than và các thiết bị khác làm từ than các loại.

Ghi chú:

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 3210**- Ngành sản xuất đèn, ống đèn điện tử và các linh kiện điện tử khác -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

6. Số điện thoại

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

 của năm 20074. Loại hình doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DN NN TƯ4-2 DN NN4-3 DN có vốn ĐTNN4-4 DN ngoài quốc doanhXem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng					Giá trị	Khối lượng	
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	10. Tiêu thụ nội bộ	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		
1	Bảng mạch in									
	1-1	Tỉnh	M2							
2	2-1	Ống đèn chân không (dùng cho TV màu)	Chiếc							
	2-2	Ống đèn chân không dùng cho máy tính và các thiết bị điện tử có liên quan	Chiếc							
3	Tụ điện các loại	1000 chiếc								
4	Điện trở các loại	1000 chiếc								
5	Các thiết bị bán dẫn									
	5-1	Điốt tinh thể lồng	1000 chiếc							
	5-2	Điốt phát sáng	1000 chiếc							
6	5-3	Các thiết bị bán dẫn khác	1000 chiếc							
	Ví mạch điện tử (IC)									
	6-1	Ví mạch điện tử đơn	1000 chiếc							
	6-2	Ví mạch điện tử tổ hợp	1000 chiếc							

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra
này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được
công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Danh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận già công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đã gia công ở các cơ sở kinh tế khác)

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, e-mail.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)
Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thu, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Băng mạch in dạng tinh nhuệ băng mạch in nhiều lớp, băng mạch in một mặt, hai mặt và băng mạch in bằng sợi.

Sản phẩm 1-2:

Băng mạch in dạng động các loại.

Sản phẩm 2-1:

Ông đèn chân không dùng cho ti vi màu và tivi đơn sắc. Không bao gồm ống đèn chân không dùng cho thiết bị liên quan đến máy tính.

Sản phẩm 2-2:

Ông đèn chân không dùng cho máy tính và các thiết bị có liên quan khác.

Sản phẩm 3:

Tú điện các loại, không phân biệt tụ điện cố định hay biến đổi.

Sản phẩm 4:

Điều trở các loại.

Sản phẩm 5-1:

Điốt linh thể tông các loại.

Sản phẩm 5-2:

Điốt phát sáng các loại.

Sản phẩm 5-3:

Các thiết bị bán dẫn khác bao gồm bộ phận bán dẫn cảm quang các loại.

Sản phẩm 6-1:

Vỉ mạch điện tử đơn và phụ tùng các loại.

Sản phẩm 6-2:

Vỉ mạch điện tử tổ hợp và phụ tùng các loại.

Ghi chú:

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Thắng báo cáo

Ghi rõ thắng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm dí gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Máy truyền thanh có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc thiết bị ghi hoặc sao lại âm thanh.

Sản phẩm 1-2:

Máy truyền hình có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc thiết bị ghi hoặc sao lại âm thanh.

Sản phẩm 1-3:

Máy vô tuyến điện thoại, điện báo có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc thiết bị ghi hoặc sao lại âm thanh.

Sản phẩm 1-4:

Máy thu phát vô tuyến dùng trong gia đình các loại.

Sản phẩm 2:

Camera truyền hình các loại. Không bao gồm camera ghi hình dùng trong gia đình.

Sản phẩm 3-1:

Điện thoại và bộ đàm các loại đã hoặc chưa kết nối với các bộ phận khác như hệ thống tra lời. Mục này bao gồm cả điện thoại không dây và điện thoại công cộng

Sản phẩm 3-2:

Điện thoại di động các loại, không bao gồm điện thoại không dây.

Sản phẩm 3-3:

Bộ phận truyền nhận điện thoại điện báo các loại.

Sản phẩm 3-4:

Thiết bị liên lạc khác và các bộ phận như điện thoại video và điện thoại vô tuyến.

Sản phẩm 4-1:

Máy fax loại chuẩn G4 (Nhóm 4) và sử dụng đường truyền số.

Sản phẩm 4-2:

Máy fax loại chuẩn G3 (Nhóm 3) và sử dụng đường truyền thường.

Sản phẩm 4-3:

Các loại máy fax khác không được liệt kê ở trên.

Ghi chú:

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)			
Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 3230

- Ngành sản xuất máy thu thanh, thu hình, thiết bị ghi và phát lại âm thanh hoặc ghi hình ảnh và các thiết bị có liên quan -

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để tránh ô này

2. MÃ SỐ THUẾ

3. Địa chỉ

[View Details](#) | [Edit](#) | [Delete](#)

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp)

4-1 DNNN TU 4-2

DNNN 4-3

4-3 DN có vốn ĐTNN

4.4 □ DN ngoài quốc doanh

**Xem hướng dẫn
mặt sau để đón
phiếu**

7. Tháng báo cáo [] của năm 2007

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Máy thu thanh	Cái					
2	Máy quay băng	Cái					
3	Máy quay đĩa kỹ thuật số	Cái					
4	Máy thu phát âm thanh dùng cho ô tô	Cái					
5	Thiết bị âm thanh mini	Cái					
Máy thu và phát video							
6	6-1 Máy quay video	Cái					
	6-2 Máy chạy băng video (VCP)/ Máy ghi băng Video (VCR)	Cái					
	6-3 Máy chạy đĩa Video (VCD)/ Máy ghi đĩa	Cái					
	6-4 Máy chạy đĩa kỹ thuật số (DVD)/ Máy phi	Cái					
Các thiết bị âm thanh							
7	7-1 Micrô	Cái					
	7-2 Bộ nghe/ Tai nghe	Bộ					
	7-3 Loa phóng thanh	Cái					
	7-4 Âm ly	Cái					
Tivi màu và linh kiện tivi màu							
8	8-1 Tivi thường (Tivi CRT (Ông chau không))	Cái					
	8-2 Tivi LCD (Màn hình tinh thể lỏng)	Cái					
	8-3 Tivi Plasma	Cái					
	8-4 Phụ tùng tivi	Cái					
9	Máy thu dùng cho điện thoại vô tuyến và điện báo vô tuyến	Cái					
10	Dầu máy Karaoke	Cái					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiêu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiêu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiêu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở dem nguyên vật liệu để gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm để gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoà đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiêu

Người điều phiêu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Máy thu thanh có gắn thiết bị thu và sao lại âm thanh. Không bao gồm loại máy thu thanh gắn với máy quay băng, đĩa và các sản phẩm tương tự. Mục này cũng không bao gồm máy thu phát âm thanh dùng cho ô tô và thiết bị âm thanh mini.

Sản phẩm 2:

Máy quay băng các loại, bao gồm loại gắn với máy thu thanh. Không bao gồm máy chạy đĩa CD, DVD, MD và MP3. Mục này cũng không bao gồm máy dùng cho ô tô và thiết bị âm thanh mini.

Sản phẩm 3:

Máy quay đĩa kỹ thuật số các loại, bao gồm loại gắn với radio và máy cát sét, máy MD và các sản phẩm tương tự. Không bao gồm máy dùng cho ô tô, thiết bị âm thanh mini và đầu máy karaoke.

Sản phẩm 4:

Máy thu phát âm thanh, máy quay băng và máy chạy đĩa CD, DVD, MD và MP3 dùng cho ô tô.

Sản phẩm 5:

Thiết bị âm thanh các loại có hoặc không gắn với máy thu phát âm thanh, máy quay băng, máy chạy đĩa CD, DVD, MD và MP3 và các sản phẩm tương tự.

Sản phẩm 6-1:

Máy quay video dùng trong gia đình các loại. Không bao gồm loại dùng trong truyền hình.

Sản phẩm 6-2:

Máy chạy băng video (VCP) và máy ghi băng video (VCR) các loại. Không bao gồm các loại dùng trong thiết bị âm thanh mini.

Sản phẩm 6-3:

Máy chạy đĩa Video (VCD) và máy ghi đĩa các loại. Không bao gồm loại dùng trong thiết bị âm thanh mini và đầu máy karaoke.

Sản phẩm 6-4:

Máy chạy đĩa kỹ thuật số (DVD) và máy ghi các loại. Không bao gồm loại dùng trong thiết bị âm thanh mini và đầu máy karaoke.

Sản phẩm 7-1:

Các loại micro và bộ phận của nó.

Sản phẩm 7-2:

Bộ nghe, tai nghe và bộ phận các loại.

Sản phẩm 7-3:

Loa phóng thanh và bộ phận các loại.

Sản phẩm 7-4:

Âm ly và bộ phận các loại.

Sản phẩm 8-1:

Tivi thường loại màu hay đèn trắng các loại. Không bao gồm loại dùng màn hình máy tính.

Sản phẩm 8-2:

Tivi LCD (màn hình tinh thể lỏng) các loại. Không bao gồm loại dùng màn hình máy tính.

Sản phẩm 8-3:

Tivi Plasma các loại. Không bao gồm loại dùng màn hình máy tính.

Sản phẩm 8-4:

Phụ tùng tivi các loại của tivi thường, tivi LCD, tivi Plasma và các loại tivi khác.

Sản phẩm 9:

Máy thu dùng cho điện thoại vô tuyến và điện báo vô tuyến, không bao gồm loại dùng trong gia đình như điện thoại di động.

Sản phẩm 10:

Dàn máy karaoke các loại có hoặc không gắn với đầu máy DVD, VCD và CD.

Ghi chú:

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trong hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm tồn kho trong tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đã gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đã gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

11. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hóa đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

12. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bán quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Máy kéo đường bộ dùng trong công nghiệp các loại, không bao gồm máy kéo dùng trong xây dựng đường xá.

Sản phẩm 2:

Xe chở khách được thiết kế chủ yếu dùng làm phương tiện di lại của con người như xe ô tô mui kín, xe thể thao và các loại xe tương tự khác. Không bao gồm các loại xe chuyên dụng khác như xe tải nhỏ không mui, xe chuyên chở loại nhẹ và xe zip.

Sản phẩm 3:

Xe chuyên dụng như xe tải nhỏ không mui, xe chuyên chở loại nhẹ, xe tải hạng nhẹ và xe zip các loại chủ yếu được dùng trong gia đình. Không bao gồm các loại xe được dùng chủ yếu trong ngành kinh doanh như xe buýt, xe tải và các loại xe chuyên chở khác.

Sản phẩm 4-1:

Xe tải và các loại xe ô tô khác dùng để chở hàng hoá, có trọng tải dưới 5 tấn.

Sản phẩm 4-2:

Xe tải và các loại xe ô tô khác dùng để chở hàng hoá, có trọng tải từ 5 đến 10 tấn.

Sản phẩm 4-3:

Xe tải và các loại xe ô tô khác dùng để chở hàng hoá có trọng tải từ 10 tấn trở lên.

Sản phẩm 5-1:

Xe buýt loại nhỏ từ 5 đến 14 chỗ ngồi kèm cả lái xe, bao gồm các loại xe được dùng chủ yếu trong kinh doanh.

Sản phẩm 5-2:

Xe buýt loại vừa từ 15 đến 30 chỗ ngồi kèm cả lái xe, bao gồm các loại xe được dùng chủ yếu trong kinh doanh.

Sản phẩm 5-3:

Xe buýt loại lớn từ 30 chỗ ngồi trở lên kèm cả lái xe, bao gồm các loại xe được dùng chủ yếu trong kinh doanh.

Sản phẩm 6:

Xe phục vụ mục đích đặc biệt gồm xe cứu hoả, xe cứu thương, xe chở rác, xe dùng trong xây dựng, xe cẩu cầu, vv.

Sản phẩm 7:

Trung đại tu, không bao gồm sửa chữa thông thường như sửa thân xe, ba đờ xốc, vv.

Ghi chú:

**PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU**

PSO sử dụng nỗi bô (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 3430**- Ngành sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy

7. Tháng báo cáo

của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp4-1 DN NN TƯ

4-2 DN NN

4-3 DN có vốn ĐTNN4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Phanh	1000 bộ					
2	Hộp số	1000 cái					
3	Bộ tản nhiệt	1000 cái					
4	Vành bánh xe	1000 cái					
5	Trục dẫn	1000 cái					
6	Thiết bị giảm xóc	1000 cái					
7	Óng xả	1000 cái					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1.1. Tên doanh nghiệp

Ghi tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1.2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Danh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phần trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Giá trị hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hóa đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hay báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bàn quyền, cổ tức.

Hay báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Phanh các loại như phanh hơi, phanh dầu và các sản phẩm tương tự khác.

Sản phẩm 2:

Các loại hộp số và bộ phận làm thay đổi tốc độ khác, bắt kèe kích cỡ và chất liệu.

Sản phẩm 3:

Bộ tản nhiệt dành cho xe có động cơ và phụ tùng các loại, bắt kèe kích cỡ và chất liệu.

Sản phẩm 4:

Vành xe và nan hoa cho xe có động cơ các loại, bắt kèe kích cỡ và chất liệu.

Sản phẩm 5:

Trục dẫn và phụ tùng cho xe có động cơ các loại được hoặc không được cung cấp các thiết bị truyền động khác.

Sản phẩm 6:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 7:

Thiết bị giảm thanh của ống xả và ống xả dùng cho các loại xe ô tô các loại, bắt kèe kích cỡ và chất liệu.

Sản phẩm 8:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 9:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 10:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 11:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 12:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 13:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 14:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 15:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 16:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 17:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 18:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 19:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 20:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 21:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 22:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 23:

Thiết bị giảm xóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xóc có lò xo và không bao gồm các loại giảm xóc hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 24:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 25:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 26:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 27:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 28:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 29:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 30:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 31:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 32:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 33:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 34:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 35:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 36:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 37:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 38:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 39:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 40:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 41:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 42:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 43:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 44:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 45:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 46:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 47:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 48:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 49:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 50:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 51:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 52:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 53:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 54:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 55:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 56:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 57:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 58:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 59:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 60:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 61:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 62:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 63:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 64:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 65:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 66:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 67:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 68:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 69:

Thiết bị giảm xocz có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm xocz có lò xo và không bao gồm các loại giảm xocz hơi, dùn và các loại tương tự khác.

**PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU**

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra)											
Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế								

**ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 3511
- Ngành đóng và sửa chữa tàu -**

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

6. Số điện thoại

7. Tháng báo cáo

của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp 4-1 DN NN TƯ 4-2 DN NN ĐP 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu**I. Thông tin về sản phẩm**

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng		Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(9)
Tàu vận tải các loại bằng thép						
1	1-1 Tàu loại nhỏ (dưới 5000 tấn)	Tấn TT				
	1-2 Tàu loại trung bình (từ 5000 tấn đến 10000 tấn)	Tấn TT				
	1-3 Tàu loại lớn (trên 10000 tấn)	Tấn TT				
Tàu thuyền bằng gỗ						
2	2-1 Tàu loại nhỏ (dưới 10 tấn)	Tấn TT				
	2-2 Tàu loại trung bình (từ 10 tấn đến 100 tấn)	Tấn TT				
	2-3 Tàu loại lớn (trên 100 tấn)	Tấn TT				
3	Tàu làm từ nguyên liệu khác	Tấn TT				
4	Tàu dắt, tàu kéo, tàu đẩy, tàu đèn hiệu, hoa tiêu	Tấn TT				
5	Xà lan các loại	Tấn TT				
Phà các loại						
6	6-1 Phà tự hành	Tấn TT				
	6-2 Phà khác	Tấn TT				
7	Các cầu kiện nổi	Tấn TT				
Trung đại tu tàu, thuyền, ca nô, xà lan các loại						
8	8-1 Trung đại tu tàu, ca nô các loại	Triệu đồng				
	8-2 Trung đại tu phà, xà lan các loại	Triệu đồng				

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

Chữ ký

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

Chữ ký

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (Không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị tăng).

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bán quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463-183

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Tàu loại nhỏ có trọng tải dưới 5,000 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.

Sản phẩm 1-2:

Tàu loại vừa có trọng tải từ 5,000 đến 10,000 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.

Sản phẩm 1-3:

Tàu loại nhỏ có trọng tải trên 10,000 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.

Sản phẩm 2-1:

Tàu thuyền bằng gỗ loại nhỏ có trọng tải dưới 10 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.

Sản phẩm 2-2:

Tàu thuyền bằng gỗ loại vừa có trọng tải từ 10 tấn đến 100 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.

Sản phẩm 2-3:

Tàu thuyền bằng gỗ loại lớn có trọng tải trên 100 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.

Sản phẩm 3:

Tàu làm từ nguyên liệu khác như thép và gỗ dùng cho mục đích vận chuyển hàng hoá như tàu đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.

Sản phẩm 4:

Tàu đánh cá, tàu kéo, tàu đầy, tàu đèn hiệu, hoa tiêu các loại.

Sản phẩm 5:

Xã lan các loại.

Sản phẩm 6-1:

Phà, tàu tuần tra, tàu du lịch và các loại tàu phà tự hành tương tự, bao gồm các loại được thiết kế đặc biệt để chở người.

Sản phẩm 6-2:

Phà, tàu tuần tra, tàu du lịch và các loại không phải là tàu phà tự hành khác, bao gồm các loại được thiết kế đặc biệt để chở người.

Sản phẩm 7:

Các cầu kiện nổi như bè, thùng, phao, vv.

Sản phẩm 8-1:

Trung đại tu tàu, ca nô các loại chuyên dùng trong chở người.

Sản phẩm 8-2:

Trung đại tu phà, xã lan các loại chuyên dùng trong chở hàng hoá.

Ghi chú:

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 3591
- Ngành sản xuất mô tô xe máy -

1-1. Tên Doanh nghiệp

--

5. Người điền phiếu

--

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

--

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Địa chỉ

--

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)4-1 DN NN TƯ4-2 DN NN4-3 DN có vốn ĐTNN4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng				Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	10. Tiêu thụ nội bộ	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Xe máy								
1	1-1 Xe máy (dung tích dưới 50cc)	Chiếc						
	1-2 Xe máy (dung tích từ 50cc đến 125cc)	Chiếc						
	1-3 Xe máy (dung tích trên 125cc)	Chiếc						
Phụ tùng xe máy (Động cơ, khung, hộp số, vv.)								
2	2-1 Động cơ các loại	Chiếc						
	2-2 Bộ chế hòa khí	Chiếc						
	2-3 Hộp số	Chiếc						
	2-4 Phanh (Thắng)	Chiếc						
	2-5 Khung	Chiếc						
	2-6 Yên xe	Chiếc						
	2-7 Tay lái	Chiếc						
	2-8 Giàn xóc/Hệ thống giảm xóc	Chiếc						
	2-9 Đồng hồ đo	Chiếc						
	2-10 Bộ giảm thanh	Chiếc						
	2-11 Các linh kiện xe máy khác	Chiếc						

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

--

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

--

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

--

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mời ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Danh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giao công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đơn nguyên vật liệu đi giao công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đã giao công ở các cơ sở kinh tế khác)

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi giao công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

11. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Xe máy bao gồm loại xe có bản đạp và xe máy loại nhẹ có dung tích dưới 50cc.

Sản phẩm 1-2:

Xe máy bao gồm loại xe có bản đạp và xe máy loại nhẹ có dung tích từ 50cc đến 125cc.

Sản phẩm 1-3:

Xe máy bao gồm loại xe có bản đạp và xe máy loại nhẹ có dung tích trên 125cc.

Sản phẩm 2-1:

Động cơ xe máy các loại.

Sản phẩm 2-2:

Bộ chế hòa khí dành cho xe máy các loại.

Sản phẩm 2-3:

Hộp số các loại.

Sản phẩm 2-4:

Phanh (thắng) các loại.

Sản phẩm 2-5:

Khung xe máy các loại.

Sản phẩm 2-6:

Yên xe máy các loại.

Sản phẩm 2-7:

Tay lái dành cho xe máy các loại.

Sản phẩm 2-8:

Giảm xóc xe máy các loại.

Sản phẩm 2-9:

Đồng hồ đo dành cho xe máy các loại.

Sản phẩm 2-10:

Bộ giảm thanh dành cho xe máy các loại.

Sản phẩm 2-11:

Các linh kiện xe máy khác không được liệt kê ở danh sách trên.

Ghi chú:

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)			
Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh doanh
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 3610
- Ngành sản xuất giường, tủ, bàn ghế -

1-1. Tên Doanh nghiệp

10

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để tránh ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp 4-1 DNNN TU' 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh
(chọn 1 phím bấm)

Xem hướng dẫn
mặt sau để đeo
nhẹ

I. Thông tin về sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Ghế ngồi các loại						
	1-1 Ghế gỗ	Cái					
	1-2 Ghế kim loại	Cái					
	1-3 Ghế mây/ tre	Cái					
2	Bộ sa lông có bọc	Bộ					
3	Bộ sa lông không bọc						
	3-1 Bộ sa lông gỗ có khâm	Bộ					
	3-2 Bộ sa lông gỗ không khâm	Bộ					
4	Tủ bếp	Cái					
5	Bàn làm việc (Trừ bàn ăn)	Cái					
6	Bàn ăn	Cái					
7	Bàn học sinh	Cái					
8	Gương gỗ và gương từ chất liệu tường trang	Cái					
9	Sập gỗ khuôn tranh	Cái					
10	Sập gỗ chân quỳ	Cái					
11	Tủ quần áo, tủ tài liệu	Cái					
12	Tủ chè khâm	Cái					
13	Giá sách	Cái					
14	Bàn ghế trang điểm	Cái					
15	Túi đựng lười và các loại ví ngắn nhọn khác	Cái					
16	Đệm các loại	Cái					
17	Ghế dành cho xe ô tô các loại	Bộ					
18	Các đồ nội thất khác	Cái					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký Người điền phiếu

15. Chữ ký của Phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày Phụ trách Cơ sở kinh tế kỹ

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀU KIỆN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Ghi tên doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Danh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điều phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điều phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điều phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận giá công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không bao gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đệm nguyên vật liệu di giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm di giá công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

11. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hóa đơn bán hàng (không bao gồm giá trị giá tăng)

12. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

13. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

14. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

15. Chữ ký của người điều phiếu

Người điều phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1-1:

Ghế gỗ các loại với hơn 50% chất liệu làm từ gỗ, bát kệ kích cỡ, mục đích sử dụng. Không bao gồm ghế của các bộ bàn ghế dùng trong phòng khách.

Sản phẩm 1-2:

Ghế kim loại các loại với hơn 50% chất liệu làm từ kim loại như ghế làm từ ống sắt, bát kệ đèn kich cỡ và mục đích sử dụng. Không bao gồm ghế của các bộ bàn ghế dùng trong phòng khách.

Sản phẩm 1-3:

Ghế mây tre các loại với hơn 50% chất liệu làm từ mây hoặc tre, không kệ kích cỡ và mục đích sử dụng. Không bao gồm ghế của các bộ bàn ghế dùng trong phòng khách.

Sản phẩm 1-4:

Các loại ghế khác không được liệt kê ở trên như ghế làm từ nhựa. Không bao gồm ghế của các bộ bàn ghế dùng trong phòng khách.

Sản phẩm 2:

Bộ bàn ghế chủ yếu được dùng trong phòng khách, chỉ bao gồm các loại có đệm.

Sản phẩm 3-1:

Bộ bàn ghế chủ yếu được dùng trong phòng khách, không có đệm, chỉ bao gồm các loại được khâm trai.

Sản phẩm 3-2:

Bộ bàn ghế chủ yếu được dùng trong phòng khách, không có đệm, không bao gồm các loại được khâm trai.

Sản phẩm 3-3:

Bộ bàn ghế chủ yếu được dùng trong phòng khách, không có đệm, chỉ bao gồm các loại được làm từ mây hoặc tre.

Sản phẩm 4:

Tủ bếp các loại, bát kệ chất liệu và kích cỡ.

Sản phẩm 5:

Bàn làm việc các loại, bát kệ chất liệu và kích cỡ, bao gồm bàn dùng trong gia đình và trong văn phòng, không bao gồm bàn dùng trong trường học.

Sản phẩm 6:

Bàn ăn các loại, bát kệ chất liệu và kích cỡ.

Sản phẩm 7:

Bàn dành cho học sinh chủ yếu được sử dụng trong trường học, không quan tâm đến chất liệu và kích cỡ.

Sản phẩm 8:

Giường gỗ và giường làm từ chất liệu tương tự, không quan tâm đến kích cỡ.

Sản phẩm 9:

Sập gỗ khâu tay các loại.

Sản phẩm 10:

Sập gỗ chân quỳ các loại.

Sản phẩm 11:

Tủ quần áo và tủ đựng tài liệu các loại, bát kệ kích cỡ và chất liệu, không bao gồm giày dép không có cánh cửa.

Sản phẩm 12:

Tủ đựng chè có khâm trai, không bao gồm loại kết hợp với bộ bàn ghế trong phòng khách.

Sản phẩm 13:

Giá sách các loại không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu, không bao gồm loại giá sách có cánh cửa.

Sản phẩm 14:

Bàn trang điểm các loại có hoặc không có gương, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.

Sản phẩm 15:

Tủ đựng lì và thiếp bị nghe nhìn các loại, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.

Sản phẩm 16:

Đệm được kèm với nguyên liệu cao su hoặc nhựa.

Sản phẩm 17:

Ghế ngồi cho lái xe hoặc hành khách trên xe các loại.

Sản phẩm 18:

Các đồ nội thất khác không được liệt kê ở trên, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.

Ghi chú:

